PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 2

Chủ điểm Đi học vui sao · Bài 11–12 (SGK tr. 48–54)

Tuần 6

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Bài 1: Đọc hiểu: đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

Buổi chào cờ

Sáng thứ Hai, bác bảo vệ đánh ba hồi trống dài. Tiếng trống "tùng! tùng! tùng!" vang khắp sân. Cả trường xếp hàng chào cờ. Hôm nay, cô phụ trách Đội đọc danh sách các bạn được khen. Lớp 2B có ba bạn: An, Hùng và Thu. Nghe gọi tên mình, Thu bẽn lẽn bước lên nhận phần thưởng. Thu thầm nghĩ: "Mình sẽ cố gắng hơn nữa."

1. Ai đánh trống? (A) Cô giáo (B) Bạn lớp trưởng (C) Bác bảo vệ

2. Lớp 2B có mấy bạn được khen? (A) Hai bạn (B) Ba bạn (C) Bốn bạn

3. Nghe gọi tên mình, Thu thế nào?

(A) Bẽn lẽn bước lên (B) Chạy ào lên (C) Đứng yên tại chỗ

4. Thu thầm nghĩ gì?

Bài 2: Chính tả: điền g hoặc gh

cái .....ế con .....à .....i chép

.....ọn gàng .....é thăm .....ồ ghề

Bài 3: Chính tả: khoanh vào tiếng viết đúng (s hay x?)

1. ... xếp sách vở (A) sắp (B) xắp

2. em bé ... xắn (A) sinh (B) xinh

3. Bé chạy ... quanh sân. (A) xung (B) sung

Bài 4: Luyện từ và câu: giải câu đố, viết tên đồ vật

1. Mặt đen bóng, treo trên tường, cô viết chữ lên. Là cái gì? → .....

2. Thân dài thẳng tắp, có vạch đều nhau, giúp em kẻ dòng. Là cái gì? →

.....

onthi.app
Thư viện phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

Bài 5: Luyện từ và câu: xếp các từ thành câu nêu đặc điểm

1. rộng | Sân trường em | và thoáng mát.

2. xanh tốt. | Hàng cây bàng | rất

Bài 6: Viết: nói về ngôi trường của em

Viết 2–3 câu nói về ngôi trường của em.

Trường em có gì đẹp? Em thích nơi nào nhất ở trường? Vì sao?

ĐÁP ÁN – TIẾNG VIỆT LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 6

Bài 1: Đọc hiểu: đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

1. C (Bác bảo vệ)

2. B (Ba bạn)

3. A (Bẽn lẽn bước lên)

4. Thu nghĩ mình sẽ cố gắng hơn nữa.

Bài 2: Chính tả: điền g hoặc gh

cái **ghế** con **gà** **ghi** chép **g**ọn gàng **gh**é thăm **g**ồ ghề

Bài 3: Chính tả: khoanh vào tiếng viết đúng (s hay x?)

1. **A** (sắp) 2. **B** (xinh) 3. **A** (xung)

Bài 4: Luyện từ và câu: giải câu đố, viết tên đồ vật

1. Mặt đen bóng, treo trên tường, cô viết chữ lên. Là cái gì? → **cái bảng**

2. Thân dài thẳng tắp, có vạch đều nhau, giúp em kẻ dòng. Là cái gì? → **cái thước**

Bài 5: Luyện từ và câu: xếp các từ thành câu nêu đặc điểm

1. Sân trường em rộng và thoáng mát.

2. Hàng cây bàng rất xanh tốt.

Bài 6: Viết: nói về ngôi trường của em

Mẫu: Trường em có sân rộng và nhiều cây xanh. Em thích nhất thư viện của trường. Ở đó có rất nhiều truyện hay.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án